

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2015/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 07 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh về việc quy định bảng giá
các loại đất định kỳ 5 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc thông qua Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi phân vị trí đất ở của xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa tại Mục 1.5, Phần III, Phụ lục số 6, Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh, cụ thể lại như sau:

“1.5. Xã Tân Hợp:

- Khu vực 2:

+ Vị trí 1: Các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ ngã ba Quốc lộ 9 đến Km 1 (đất hộ ông Nguyễn Lộc);

+ Vị trí 2: Các thửa đất dọc Quốc lộ 9 từ điểm giáp thị trấn Khe Sanh đến điểm qua khỏi Trạm Kiểm soát liên hợp Tân Hợp 100 m; các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ Km 1 (đất hộ ông Nguyễn Lộc) đến Km 2 (Trường Tiểu học xã Tân Hợp - Điểm trường Hòa Thành);

+ Vị trí 3: Các thửa đất từ điểm qua khỏi Trạm Kiểm soát liên hợp Tân Hợp 100 m đến điểm giáp ranh giới huyện Đakrông; các thửa đất dọc đường thôn Tân

Xuyên đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết đất hộ ông Nguyễn Thi và bà Nguyễn Thị Ái Nghĩa, thôn Tân Xuyên; các thửa đất dọc đường thôn Tân Xuyên đoạn từ điểm giáp đất hộ ông Nguyễn Thành và ông Nguyễn Sơn đến hết đất hộ ông Trần Thanh và đường thôn; các thửa đất dọc đường Hồ Chí Minh đoạn từ Km 2 (Trường Tiểu học xã Tân Hợp - Điểm trường Hòa Thành) đến điểm giáp xã Hướng Tân.”

+ Vị trí 4: Các thửa đất còn lại.

- Khu vực 3:

+ Vị trí 3: Các thửa đất dọc trục đường chính của bản Tà Đủ;

+ Vị trí 4: Các thửa còn lại của bản Tà Đủ”.

Điều 2. Sửa đổi phân vị trí đất nông nghiệp của thị trấn Hải Lăng, huyện Hải Lăng tại Mục 1.1, Phần IX, Phụ lục số 6, Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh, cụ thể lại như sau:

“1.1. Đất rừng sản xuất:

- Thị trấn Hải Lăng:

Vị trí 1: Toàn bộ diện tích rừng sản xuất trên địa bàn thị trấn.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung phân vị trí đất nông nghiệp, quy định khu vực của huyện Vĩnh Linh tại Phần VII, Phụ lục số 6, Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh, cụ thể lại như sau:

“VII. Huyện Vĩnh Linh:

1. Đất ở tại nông thôn

1.1. Đất ở nông thôn tại xã Vĩnh Long có mặt tiền tiếp giáp với Quốc lộ 1A đoạn từ ranh giới thị trấn Hồ Xá đến kho gỗ ông Sơn áp dụng đường 1C, tương ứng với đất nội thị thuộc thị trấn Hồ Xá cùng cung đường.

1.2. Khu vực 1:

- Áp dụng đơn giá tại Mục 6.5, Phụ lục 01:

Quốc lộ 1A đi qua huyện Vĩnh Linh đoạn từ ngã ba đường Lý Thánh Tông (phía Tây giáp kho gỗ ông Sơn) đến hết ranh giới hành chính tỉnh Quảng Trị - Quảng Bình.

1.3. Khu vực 2:

- Áp dụng đơn giá tại Mục 6.1 Phụ lục 01:

+ Đường ĐT 574 (ĐT 70): đoạn từ ngã ba Hiền Lương đến UBND xã Vĩnh Tân (Phía Nam đường giáp ngã ba nhà ông Công và bà Thương);

+ Đường ĐT 572 (đường Cạp Lài): đoạn từ ranh giới thị trấn Hồ Xá đến Cổng chào phía Nam xã Vĩnh Thạch;

+ Đường ĐT 571 (ĐT 7): đoạn từ ngã ba Sa Lung đến giáp ranh giới thị trấn Bến Quan;

+ Đường ĐT 573b (đường Lâm - Thủy): đoạn từ ngã ba cầu Châu Thị đến hết đường rải nhựa xã Vĩnh Lâm - Vĩnh Thủy;

+ Đường ĐT 573a (đường Lâm - Sơn): đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường ĐT 573b đến giáp Bắc sông Bến Hải (xã Vĩnh Sơn);

+ Đoạn từ cầu Nam Bộ đến giáp cầu Phúc Lâm (xã Vĩnh Long);

- Áp dụng đơn giá tại Mục 6.4 Phụ lục 01: đường ĐT 574 (ĐT 70): đoạn từ UBND xã Vĩnh Tân (phía Nam đường giáp ngã ba nhà ông Công và bà Thương) đến giáp ranh giới thị trấn Cửa Tùng;

- Áp dụng đơn giá tại Mục 6.5 Phụ lục 01: Quốc lộ 1A đoạn từ ranh giới thị trấn Hồ Xá đến giáp cầu Hiền Lương.

1.4. Khu vực 3:

- Áp dụng đơn giá tại Mục 6.1 Phụ lục 01:

+ Đường Vĩnh Tú - Vĩnh Thái: đoạn đường nhựa từ ranh giới thị trấn Hồ Xá qua xã Vĩnh Tú về đến UBND xã Vĩnh Thái (phía Đông đường giáp nhà ông Diên).

+ Đoạn từ cổng chào Trường Kỳ (giáp Quốc lộ 1A) về đến ngã ba rẽ về Vĩnh Thái;

+ Đường WB: đoạn từ giáp ranh giới thị trấn Hồ Xá và xã Vĩnh Hòa về giáp đường buro điện chợ Do đi thôn Cát

+ Đường du lịch sinh thái Rú Lịnh (tuyến 1): đoạn từ tiếp giáp đường ĐT 574 đến giáp đường ĐT 572 (đường Cạp Lại).

+ Đường du lịch sinh thái Rú Lịnh (tuyến 2): đoạn từ đường ĐT 572 (quán ông Trục xã Vĩnh Hòa đến giáp đường Tuyến 1 (Rú Lịnh);

+ Đường Nam - Trung - Thái: đoạn đường rải nhựa từ cổng chào thôn Nam Cường xã Vĩnh Nam qua xã Vĩnh Trung đến UBND xã Vĩnh Thái (phía Đông đường giáp nhà ông Diên);

+ Đoạn đường rải nhựa từ ngã ba đường ĐT 574 đi UBND xã Vĩnh Giang đến giáp địa phận thị trấn Cửa Tùng;

+ Đoạn từ đường ĐT 574 (ngã tư Buro điện chợ Do) đến ngã tư (bảng tin) thôn Cát, xã Vĩnh Tân;

+ Đoạn từ giáp đường ĐT 574 (ngã tư Buro điện chợ Do) đến hết đường rải nhựa về xã Vĩnh Giang (nghĩa địa làng Xuân Tùng);

+ Các trục đường liên thôn, liên xã còn lại có mặt cắt trên 8 m;

- Áp dụng đơn giá tại Mục 6.2 Phụ lục 01:

+ Đất ở thuộc các xã đồng bằng, miền núi có mặt tiền tiếp giáp đường Hồ Chí Minh (trừ địa giới hành chính thuộc thị trấn Bến Quan);

+ Đoạn đường rải nhựa từ ranh giới thị trấn Bến Quan đến UBND xã Vĩnh Hà (phía Đông đường giáp nhà Ông Phú);

- Ngoài các vị trí theo các cung đường trên, các thửa đất còn lại của các xã đồng bằng, miền núi tiếp giáp với các cung đường còn lại được tính như sau:

+ Thửa đất tiếp giáp với các cung đường có mặt cắt trên 5 m - 8 m xếp vị trí 2;

+ Thửa đất tiếp giáp với các cung đường có mặt cắt trên 3 m - 5 m xếp vị trí 3;

+ Các thửa đất còn lại xếp vị trí 4.

2. Đất nông nghiệp tại thị trấn và các xã đồng bằng, miền núi

2.1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng lúa, đất nông nghiệp khác:

+ Vị trí 1: Đất tại các thị trấn và xã đồng bằng;

+ Vị trí 2: Đất tại các xã miền núi.

2.2. Đất trồng cây lâu năm:

+ Vị trí 1: Đất trồng cây lâu năm trong cùng với thửa đất ở; đất trồng cây lâu năm có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 1A đi qua các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

+ Vị trí 3: Các khu vực còn lại.

2.3. Đất rừng sản xuất: Vị trí 2: toàn huyện.

2.4. Đất nuôi trồng thủy sản: Vị trí 1: toàn huyện.”

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Điều 1.5, Mục III; Điều 1.1, Mục IX và Mục VII, Phụ lục số 6 Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban ngành, đoàn thể, Chủ tịch UBND huyện Hướng Hóa, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Linh, Chủ tịch UBND huyện Hải Lăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Chính